

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Vương và bà Đinh Thị Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 249/2022/TLST- HNGĐ ngày 19/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H - sinh năm 198x.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn N - sinh năm 198x.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2022, các biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đỗ Văn N đăng ký kết hôn ngày 01/9/200x, tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh N thường có lời nói xúc phạm đến danh dự của chị H, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi nhau...cuộc sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đỗ Văn N.

+ Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là Đỗ Thúy H, sinh ngày 13/3/200x và Đỗ Thùy L, sinh ngày 02/4/201x.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Thùy L và giao cháu Đỗ Thúy H cho anh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, chị H thay đổi ý kiến, đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cả hai con chung là cháu L, cháu H và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hoà giải anh Đỗ Văn N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Về ngày, tháng, năm, địa điểm kết hôn anh N nhất trí với lời trình bày của chị H. Tuy nhiên thời điểm phát sinh mâu thuẫn, anh N cho rằng khoảng tháng 4 năm 2022 thì vợ chồng anh mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh nhất trí với ý kiến của chị H. Anh và chị H đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh N xác định vẫn còn tình cảm với chị H, nên không nhất trí ly hôn. Đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng về đoàn tụ.

+ Về con chung: Anh N xác nhận có hai con chung với chị H như chị H đã trình bày nêu trên là đúng. Tại bản tự khai, anh N đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu H và cháu L, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh nhất trí để chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Đỗ Văn N. Về nuôi con: Giao các cháu Đỗ Thúy H, sinh ngày 13/3/200x và Đỗ Thùy L, sinh ngày 02/4/201x cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn - anh Đỗ Văn N có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228; 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Đỗ Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/9/200x tại UBND phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, các đương sự đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không có kết quả, cuộc sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, anh N đề nghị đoàn tụ nhưng chị H kiên quyết đề nghị được ly hôn nên Tòa án hòa giải không thành. Anh N không đồng ý ly hôn vì xác định vẫn còn tình cảm với chị H, tuy nhiên anh N không đưa ra được các giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị H và anh N có hai con chung là Đỗ Thúy H và Đỗ Thùy L. Các đương sự thống nhất để chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu H và L, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống, sinh hoạt, học tập của các cháu, cần giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu H, cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Đỗ Văn N.

2. Về nuôi con: Giao các cháu Đỗ Thúy H, sinh ngày 13/3/200x và Đỗ Thùy L, sinh ngày 02/4/201x cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Đỗ Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/00004xx ngày 18/10/202x tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thu H và anh Đỗ Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND phường Nguyễn Phúc, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

